

Bản án số: 04/2021/DS- ST

Ngày 06-01-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thu Hồng

2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Hồ Thị Lài- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trương Văn Đ**, sinh: 1959.

Địa chỉ: 446, 39, 88 khóm Đ, phường Đ, TX Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Trúc Ph**, sinh: 1982.

Địa chỉ: ấp Th, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn ông Trương Văn Đ trình bày:

Vào ngày 15/6/2020 ông có kêu con tên Trương Thanh S đem số tiền 100.000.000 đồng của ông cho chị Trần Thị Trúc Ph mượn nhưng không có làm giấy tờ chỉ có S và Ph giao nhận tiền. Một tháng sau Ph gọi điện thoại cho S nói đưa tiền 100.000.000 đồng cho người khác mượn bị giựt rồi để làm thuê từ từ trả lại (S có ghi âm lại cuộc nói chuyện). Hai lần ông đến gặp Ph lấy lại tiền nhưng Ph không trả.

Do tin tưởng nên khi giao tiền cho Ph ông không làm giấy tờ, không lãi suất nhưng Ph không trả và không thừa nhận nên nay ông yêu cầu chị Trần Thị Trúc Ph trả lại số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị Trúc Ph trình bày:

Vào đầu năm 2020 chị và con ông Trương Văn Đ là Trương Thanh S có quen biết với nhau và S rủ chị về nhà chơi 03 lần. S nói với chị muốn mượn tiền mẹ để làm ăn nhưng mẹ không đưa. Một tháng sau S gọi điện cho chị nói “khi nào S điện thoại có mẹ anh, em nói tiền đó anh đưa cho em, em cho người ta mượn bị giật rồi” nên khi nói chuyện có mẹ S chị phải nói láo. Sau đó nghĩ lại nói vậy là không được nên chị không quen S nữa và nói chuyện rõ ràng với ba của S về số tiền đó nhưng ba mẹ S qua nhà chị la um sùm và có mời Công an xã đến giải quyết. Ba S nói đưa tiền cho chị còn mẹ S nói đưa tiền cho S.

Nay, ông Đ yêu cầu chị trả lại số tiền 100.000.000 đồng, chị không đồng ý. Về nội dung đoạn nói chuyện điện thoại mà S ghi âm giao nộp cho Tòa án chị thừa nhận là tiếng nói trong đoạn ghi âm trên là của mình, không yêu cầu giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trương Văn Đ đối với chị Trần Thị Trúc Ph thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Chị Trần Thị Trúc Ph có nơi cư trú tại xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung:

Ông Trương Văn Đ khởi kiện yêu cầu buộc chị Trần Thị Trúc Ph trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là lời thừa nhận của bị đơn được ghi âm và giao nộp cho Tòa án. Bị đơn không thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và không đồng ý trả số tiền mà nguyên đơn yêu cầu.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Do tin tưởng nên nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền nhưng giữa hai bên không có làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, thời gian trả. Quá trình giải quyết vụ án chị Ph không thừa nhận. Tuy nhiên, nội dung trong đoạn ghi âm được sao chép qua USB (bút lục 29) do nguyên đơn giao nộp được công khai ngày 23 tháng 12 năm 2020 chị Ph thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm trên là của mình (bút lục 24) và trong cuộc nói chuyện giữa chị Ph và anh S chị có thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng chị mượn đưa cho người khác nhưng bị giật rồi và cũng không biết tìm được người ta và chị nói để từ từ đi làm có tiền trả lại chứ hiện tại không có tiền trả.

Từ những cơ sở trên, có căn cứ xác định chị Trần Thị Trúc Ph có nhận số tiền 100.000.000 đồng của ông Trương Văn Đ do anh Trương Thanh S con ông Đ trực tiếp giao

cho chị Ph. Do đó, yêu cầu của ông Đ là có cơ sở, cần buộc chị Trần Thị Trúc Ph có nghĩa vụ trả lại số tiền nêu trên cho ông Trương Văn Đ là phù hợp.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Đ đối với chị Trần Thị Trúc Ph.

Buộc chị Trần Thị Trúc Ph có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn Đ số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Trúc Ph có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí